

UBND TỈNH AN GIANG  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 4420/SGDDĐT-GDTrH-GDTX

V/v ban hành cấu trúc, nội dung, phạm  
vi đề thi học sinh giỏi cấp THCS theo  
CTGDPT 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2024

Kính gửi:

- Trưởng các phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng trường trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hiệu trưởng trường phổ thông có nhiều cấp học.

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT);

Qua 02 (hai) lần lấy ý kiến đóng góp của các phòng GDĐT, trường trung học cơ sở-trung học phổ thông (THCS-THPT), trường phổ thông có nhiều cấp học; trên cơ sở đa số ý kiến thống nhất, Sở GDĐT ban hành cấu trúc, nội dung, phạm vi đề thi kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp THCS theo CTGDPT 2018 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**1. Môn thi:** gồm có 07 (bảy) môn: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục công dân, Tin học, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí.

**2. Thời gian làm bài thi:** 150 phút.

**3. Thang điểm bài thi:** 20 điểm.

**4. Cấu trúc đề thi, nội dung và phạm vi kiến thức các môn thi** (theo phụ lục đính kèm).

Yêu cầu trường các phòng GDĐT, hiệu trưởng trường THCS-THPT, hiệu trưởng trường phổ thông có nhiều cấp học tổ chức triển khai và thực hiện tốt nội dung Công văn này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng KT&KĐCLGD, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, GDTrH-GDTX.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Tuấn Khanh**

**Phụ lục**  
**CẤU TRÚC ĐỀ THI, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI KIẾN THỨC**  
**CÁC MÔN THI**

**I. MÔN TOÁN**

**1. Cấu trúc đề thi**

Hình thức tự luận hoàn toàn, đề thi có từ 5 đến 10 câu.

**2. Nội dung, phạm vi đề thi**

Phạm vi kiến thức căn cứ theo CTGDPT 2018 môn Toán.

**a) Số và Đại số: (6 - 10 điểm)**

- Phương trình, bất phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn.
- Phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Hàm số và đồ thị của hàm số  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ).
- Hàm số và đồ thị của hàm số  $y = ax^2$  ( $a \neq 0$ ).
- Phương trình bậc hai một ẩn, hệ thức Vi-ét và ứng dụng.
- Các bài toán liên quan đến căn bậc hai, căn bậc ba: rút gọn biểu thức, tính giá trị biểu thức, tìm giá trị nhỏ nhất (giá trị lớn nhất) của biểu thức, tìm giá trị nguyên (hữu tỉ) của biến để biểu thức có giá trị nguyên.
- Bất đẳng thức, bất phương trình.
- Phương trình nghiệm nguyên (phương trình bậc nhất hai ẩn  $ax + by = c$ ).
- Phép chia hết, phép chia có dư (lớp 6).
- Các bài toán có nội dung liên hệ thực tế (tiền gửi, lãi suất, giải bài toán bằng cách lập phương trình, lập hệ phương trình, ...) có khoảng 2 bài toán thực tế.

**b) Hình học và Đo lường (bao gồm hình học trực quan và hình học phẳng) (6-8 điểm)**

- Các bài toán tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của một số hình khối trong thực tiễn (hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác, hình chóp, khối chóp đều) (khối trụ, nón, cầu).
- Định lý Pythagore, định lý Thalès, tính chất đường phân giác trong của tam giác, tam giác đồng dạng.
- Hệ thức lượng giác trong tam giác vuông (5 hệ thức cơ bản của tam giác vuông).
- Các bài toán liên quan đến đường tròn (tiếp tuyến của đường tròn, góc ở tâm, góc nội tiếp, hình quạt tròn, hình vành khuyên).
- Bài toán cực trị hình học (độ dài đoạn thẳng, chu vi, diện tích).

- Các bài toán có nội dung liên hệ thực tế.

### **c) Thống kê và Xác suất: (4- 6 điểm)**

- Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được biểu diễn ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ, sơ đồ,... Nhận định các số liệu trên những vấn đề đã phân tích. Nắm vững các khái niệm: Tần số, tần số tương đối.

- Nắm vững các khái niệm: Không gian mẫu, biến cố ngẫu nhiên, biến cố thuận lợi... xác suất của biến cố ngẫu nhiên, xác suất thực nghiệm,...

- Tính được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số trường hợp đơn giản.

*Ghi chú: Đề thi học sinh giỏi giải toán 9 trên máy tính cầm tay dựa trên cấu trúc này nhưng hình thức trả lời ngắn (điền đáp số).*

## **II. MÔN NGỮ VĂN**

### **1. Cấu trúc đề thi**

- Hình thức: Tự luận.

- Số câu: Đề thi có 2 câu, cụ thể như sau:

**Câu 1.** Nghị luận xã hội (8,0 điểm): Từ nhận định, quan điểm, mẩu chuyện, hiện tượng xã hội... được nêu trong đề, yêu cầu thí sinh viết một bài văn bản luận về vấn đề xã hội được đặt ra. (Nội dung các vấn đề xã hội căn cứ theo yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018 môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở)

**Câu 2.** Nghị luận văn học (12,0 điểm): Yêu cầu thí sinh viết một bài văn nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm văn học (thơ, truyện) hoặc nghị luận về các vấn đề lý luận văn học.

### **4. Nội dung và phạm vi đề thi**

Kiến thức sử dụng ra đề thi thuộc phạm vi nội dung chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018, cụ thể như sau:

+ Kiến thức về văn bản văn học

+ Kiến thức lý luận văn học

## **III. MÔN TIẾNG ANH**

### **1. Cấu trúc đề thi**

#### **1.1. Hình thức**

- Trắc nghiệm kết hợp với tự luận.

- Thí sinh làm bài trên trên đề thi.

#### **1.2. Số câu**

Đề thi kiểm tra kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và Kiến thức ngôn ngữ được chia làm 5 phần, cụ thể như sau:

- **Phần I:** Listening (4,0 điểm, chiếm 20%)
  - + Multiple-Choice Questions (5 câu – Mỗi câu 0,2 điểm)
  - + True-False Questions (5 câu – Mỗi câu 0,2 điểm)
  - + Gap Filling Questions (5 câu – Mỗi câu 0,4 điểm)
- **Phần II:** Lexico-Grammar (4,0 điểm, chiếm 20%)
  - + Multiple-Choice Questions (10 câu – Mỗi câu 0,1 điểm)
  - + Error Identification (5 câu – Mỗi câu 0,2 điểm)
  - + Word Form (10 câu – Mỗi câu 0,2 điểm)
- **Phần III:** Reading (5,0 điểm, chiếm 25%)
  - + Gap Filling (10 câu – Mỗi câu 0,1 điểm)
  - + Matching (5 câu – Mỗi câu 0,2 điểm)
  - + Reading Comprehension (5 câu – Mỗi câu 0,4 điểm)
  - + Cloze Test (10 câu – Mỗi câu 0,1 điểm)
- **Phần IV:** Writing (5,0 điểm, chiếm 25%)
  - + Transformation 1 (5 câu – Mỗi câu 0,2 điểm)
  - + Transformation 2 (5 câu – Mỗi câu 0,4 điểm)
  - + Writing a paragraph with 180 - 220 words about (a topic) (2,0 điểm)
- **Phần V:** Speaking (Trình bày chủ đề - 2,0 điểm, chiếm 10%)

## 2. Nội dung, phạm vi đề thi

Phạm vi kiến thức căn cứ theo CTGDPT 2018 môn Tiếng Anh, cụ thể:

- Văn phạm: từ lớp 6 đến lớp 9.
- Từ vựng: tập trung vào các chủ đề theo chương trình môn Tiếng Anh lớp 8 và lớp 9.
- Kiến thức 4 kỹ năng theo các chủ điểm theo chương trình môn Tiếng Anh lớp 8 và lớp 9.

## IV. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

### 1. Cấu trúc đề thi

Hình thức tự luận hoàn toàn, đề thi có từ 5 đến 6 câu.

### 2. Nội dung, phạm vi đề thi

Phạm vi kiến thức căn cứ theo chương trình môn Giáo dục công dân từ lớp 8 đến lớp 9.

Lớp	TT	Nội dung
-----	----	----------

Lớp	TT	Nội dung
Lớp 8	1	Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam
	2	Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc
	3	Lao động cần cù, sáng tạo
	4	Bảo vệ lễ phải
	5	Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên
	6	Phòng, chống bạo lực gia đình
	7	Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại
	8	Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân
Lớp 9	1	Sống có lí tưởng
	2	Khoan dung
	3	Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
	4	Khách quan và công bằng
	5	Bảo vệ hoà bình
	6	Thích ứng với thay đổi
	7	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

## V. MÔN TIN HỌC

### 1. Cấu trúc đề thi

- Hình thức: Lập trình trực tiếp trên máy tính gồm có 5 câu.

- Ngôn ngữ sử dụng để lập trình.

+ Phần bắt buộc: Scratch 3.0 (2 câu);

+ Phần tự chọn:

- Scratch 3.0;
- Free Pascal;
- C++ sử dụng thư viện chuẩn;
- Python chạy trên nền Thonny.

### 2. Nội dung, phạm vi đề thi

Phạm vi kiến thức căn cứ theo CTGDPT 2018 môn Tin học.

Chủ đề	Nội dung
Chủ đề 1	<p><b>- Số học cơ bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hệ đếm</li> <li>+ Số nguyên tố, số chính phương, số hoàn hảo, số amstrong, số Fibonacci, số Catalan, ...</li> <li>+ Ước số, bội số, UCLN, BCNN</li> <li>+ Phân tích thừa số nguyên tố.</li> <li>+ Sàng nguyên tố</li> </ul>

<b>Chủ đề</b>	<b>Nội dung</b>
	+ Tổ hợp và các bài toán đếm + Lý thuyết đồng dư + Phép nhân Ấn Độ
Chủ đề 2	- <b>Hình học cơ bản</b> + Các kiến thức hình học cơ bản: điểm, đường thẳng, đoạn thẳng + Phương trình tương quan giữa điểm, đường thẳng, đoạn thẳng. - Kỹ thuật duyệt nhiều vòng lặp.
Chủ đề 3	- <b>Sắp xếp và tìm kiếm</b> + Các thuật toán sắp xếp + Đếm phân phối + Tìm kiếm tuần tự + Tìm kiếm nhị phân - Kỹ thuật duyệt nhiều vòng lặp.
Chủ đề 4	- <b>Xử lý xâu:</b> Các bài toán xử lý xâu cơ bản - Xử lý số lớn.
Chủ đề 5	- <b>Phân tích và thiết kế thuật toán</b> + Phương pháp tham lam + Chia để trị + Quy hoạch động trên mảng một chiều + Các bài toán ứng dụng thực tế có tính sáng tạo - Kỹ thuật duyệt: Đệ quy, quay lui.

## **VI. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

### **1. Cấu trúc đề thi**

Môn Khoa học tự nhiên có 3 (ba) đề thi, học sinh chọn 1 (một) trong 3 (ba) đề thi. Mỗi đề thi có 2 phần, cụ thể như sau:

a) Phần chung (3,0 điểm, chiếm 15%)

Hình thức trắc nghiệm, gồm có 15 câu.

b) Phần riêng (17,0 điểm, chiếm 85%)

- Hình thức tự luận, có từ 3 đến 5 câu cho mỗi chủ đề.

- Nội dung mỗi đề thi phần riêng là 1 (một) chủ đề trong 3 (ba) chủ đề sau:

**Chủ đề 1:** Năng lượng và sự biến đổi (khoa học vật lí)

**Chủ đề 2:** Chất và sự biến đổi chất (khoa học hóa học)

**Chủ đề 3:** Vật sống (khoa học sinh học)

### **2. Nội dung, phạm vi đề thi**

Phạm vi kiến thức căn cứ theo CTGDPT 2018 môn Khoa học tự nhiên, chủ yếu lớp 8 và lớp 9.

#### **2.1. Phần chung**

Lớp	TT	Nội dung
Lớp 9	1	Năng lượng cơ học
	2	Ánh sáng
	3	Điện
	4	Kim loại
	5	Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại
	6	Giới thiệu về chất hữu cơ
	7	Hydrocarbon (hidrocacbon) và nguồn nhiên liệu
	8	Ethylic alcohol (ancol etylic) và acetic acid (axit axetic)
	9	Hiện tượng di truyền
	10	Mendel và khái niệm nhân tố di truyền (gene)
	11	Từ gene đến protein
	12	Nhiễm sắc thể
	13	Di truyền nhiễm sắc thể
	14	Di truyền học với con người
	15	Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống

## 2.2. Phần riêng

### Chủ đề 1: Năng lượng và sự biến đổi (khoa học vật lí)

Lớp	TT	Nội dung
Lớp 8	1	Khối lượng riêng và áp suất
Lớp 9	1	Năng lượng cơ học
	2	Ánh sáng
	3	Điện

### Chủ đề 2: Chất và sự biến đổi chất (khoa học hóa học)

Lớp	TT	Nội dung
Lớp 8	1	Phản ứng hoá học
	2	Acid – Base – pH – Oxide Muối
Lớp 9	1	Kim loại
	2	Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại.
	3	Giới thiệu về chất hữu cơ
	4	Hydrocarbon (hidrocacbon) và nguồn nhiên liệu
	5	Ethylic alcohol (ancol etylic) và acetic acid (axit axetic)

### Chủ đề 3: Vật sống (khoa học sinh học)

Lớp	TT	Nội dung
Lớp 8	1	Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người
	2	Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người
	3	Hệ hô hấp ở người
	4	Hệ bài tiết ở người
	5	Môi trường và các nhân tố sinh thái
	6	Hệ sinh thái
Lớp 9	1	Hiện tượng di truyền
	2	Mendel và khái niệm nhân tố di truyền (gene)
	3	Từ gene đến protein
	4	Nhiễm sắc thể
	5	Di truyền nhiễm sắc thể
	6	Di truyền học với con người
	7	Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống

## VII. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

### 1. Cấu trúc đề thi

Môn Lịch sử và Địa lí có 2 (hai) đề thi, học sinh chọn 1 (một) trong 2 (hai) đề thi. Mỗi đề thi có 2 phần, cụ thể như sau:

- Phần chung (2,0 điểm, chiếm 10%).

Hình thức trắc nghiệm có 10 câu

- Phần riêng (18,0 điểm, chiếm 90%).

+ Hình thức tự luận, có từ 3 đến 5 câu cho mỗi nội dung.

+ Nội dung mỗi đề thi là 1 (một) phân môn trong 2 (hai) phân môn Lịch sử hoặc Địa lí.

### 2. Nội dung, phạm vi đề thi

Phạm vi kiến thức căn cứ theo CTGDPT 2018 chủ yếu lớp 8 và lớp 9, cụ thể là:

#### 2.1. Phần chung

Lớp	Nội dung	Ghi chú
9	Đô thị: Lịch sử và hiện tại	
	Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	
	Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	

#### 2.2. Phần riêng

## 2.2.1. Nội dung Lịch sử

<b>Lớp</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I. LỊCH SỬ VIỆT NAM</b>		
8	Việt Nam thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	
9	Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945	
	Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991	
<b>II. LỊCH SỬ THẾ GIỚI</b>		
9	Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945	
	Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991	
	Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa	

## 2.2.2. Nội dung Địa lí

<b>Lớp</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>
8	Đặc điểm địa hình Việt Nam	
	Đặc điểm khí hậu Việt Nam	
	Biển đảo Việt Nam	
9	Địa lí dân cư Việt Nam	
	Địa lí các ngành kinh tế	
	Sự phân hóa lãnh thổ (theo 7 vùng lãnh thổ)	

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**